

Số: 67/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 17 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-BNN-LN ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 07/TTr-SNN ngày 15 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm Một cửa điện tử (quy trình đã được rà soát cắt giảm 20% thời gian giải quyết so với quy định).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Nông; Văn phòng UBND tỉnh niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; UBND các huyện, thành phố niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Nông;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC (Lg).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND ngày **17** tháng **01** năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI: 01 TTHC

T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động	1. Thành phần hồ sơ: a. Hồ sơ phê duyệt phương án: - Đơn đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; - Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; - Bản sao các loại bản đồ: + Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; + Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. + Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện	1. Trình tự thực hiện: Bước 1. Chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp	Không	1. Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp huyện 2. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững. - Thông tư số 13/2023/TT-

T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
	du lịch sinh thái *Mã số TTHC: 3.000250	tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng. - Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng. b. Hồ sơ điều chỉnh phương án: - Đơn đề nghị phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; - Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung; - Bản sao các loại bản đồ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung gồm: + Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; + Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	huyện chuyển hồ sơ về phòng/ban chuyên môn cấp huyện. Bước 2. Trong thời hạn 01 ngày phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ UBND cấp huyện: - Lấy ý kiến phương án quản lý rừng bền vững: lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan về nội dung phương án quản lý rừng bền vững. Thời gian: 02 ngày làm việc. - Trả lời ý kiến về phương án quản lý rừng bền vững: nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian: 5,5 ngày làm việc. - Tổng hợp ý kiến, ban hành Quyết định: tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định theo		BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
		<p>+ Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> <p>3. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</p> <p>- Đơn đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;</p> <p>- Đơn đề nghị phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;</p>	<p>Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 03 hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT và trả kết quả cho chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.</p> <p>Trường hợp không phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Thời gian: 09 ngày làm việc.</p> <p>Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.</p> <p>Bước 4. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc. Trong đó:</p> <p>+ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc;</p> <p>+ Ủy ban nhân dân cấp huyện: 17,5 ngày làm việc.</p> <p>3. Đối tượng thực hiện: Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.</p>		

T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
		- Phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT.	4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không 5. Kết quả thực hiện: - Quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; - Hoặc Quyết định phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT.		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG: 01 TTHC

T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức ¹	1. Thành phần hồ sơ: a. Hồ sơ phê duyệt phương án: - Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;	1. Trình tự thực hiện Bước 1. Chủ rừng là tổ chức không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT) nộp trực tiếp hoặc qua bưu	Không	1. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

¹ Sửa đổi, bổ sung TTHC: Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.



T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
	*Mã số TTHC: 1.000055	<p>- Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;</p> <p>- Bản sao các loại bản đồ: + Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; + Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. + Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng.</p> <p>- Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng.</p> <p>b. Hồ sơ điều chỉnh phương án: - Tờ trình đề nghị điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại</p>	<p>điện hoặc dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ tới Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông (TTPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu).</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi</p>		<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>2. Căn cứ pháp lý:</p> <p>- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày</p>

T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
		<p>Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT;</p> <p>- Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung;</p> <p>- Bản sao các loại bản đồ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung gồm:</p> <p>+ Hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016;</p> <p>+ Hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Bản chính bản đồ quản lý rừng bền vững được áp dụng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11566:2016 thể hiện diện tích các loại rừng được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, bảo tồn đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng lâm sinh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo kế hoạch quản lý rừng bền vững của chủ rừng được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000 hoặc 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000 do chủ rừng tự chọn loại tỷ lệ</p>	<p>TTPVHCC; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <p>- Lấy ý kiến phương án quản lý rừng bền vững: xem xét, lấy ý kiến bằng văn bản các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ rừng được nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án. Thời gian: 02 ngày làm việc.</p> <p>- Trả lời ý kiến về phương án quản lý rừng bền vững: nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian: 7,5 ngày làm việc.</p> <p>- Tổng hợp ý kiến, trình UBND tỉnh xem xét: nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét.</p>		16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.



T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
		<p>bản đồ phù hợp với quy mô diện tích của khu rừng.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> <p>3. Mẫu đơn, tờ khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; - Tờ trình đề nghị điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; - Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT. 	<p>Thời gian: 08 ngày làm việc.</p> <p>Bước 4. UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 03 hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT và trả kết quả cho chủ rừng trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử. Trường hợp không phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời gian: 04 ngày làm việc. Kết quả chuyển về TTPVHCC.</p> <p>Bước 5. TTPVHCC có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: 23 ngày làm việc. Trong đó: + TTPVHCC: 0,5 ngày làm việc; + Sở Nông nghiệp và PTNT: 18,5 ngày làm việc; + UBND tỉnh: 04 ngày làm việc.</p> <p>3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ rừng là tổ chức không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT).</p> <p>4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không</p> <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p>		



T T	Tên thủ tục hành chính; Mã số	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Đối tượng thực hiện; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan giải quyết/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định; Căn cứ pháp lý
			<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; - Hoặc Quyết định phê duyệt điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững theo Mẫu số 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT. 		

(Danh mục này có 02 thủ tục hành chính)

QUY TRÌNH NỘI BỘ

GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 67 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (mã số 1.000055)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 23 (ngày làm việc) x 08 giờ = 184 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	CC, VC	1. Chủ rừng là tổ chức không thuộc đối tượng quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới TTPVHCC hoặc dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên).	4			
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng QLVR và BTTN	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	4			



Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi TTPVHCC tỉnh Đắk Nông. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	4			
		Chuyên viên phòng QLBR và BTTN	<p>Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy ý kiến phương án quản lý rừng bền vững: xem xét, lấy ý kiến bằng văn bản các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ rừng được nhà nước giao đất, giao rừng hoặc cho thuê đất, cho thuê rừng về nội dung phương án. - Trả lời ý kiến về phương án quản lý rừng bền vững: nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. - Tổng hợp ý kiến, trình UBND tỉnh xem xét: nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. 	122			
		Lãnh đạo phòng QLBR và BTTN	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	4			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét, ký nháy trình Sở Nông nghiệp và PTNT	4			
B3	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Sở	Báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét.	6			
		Văn phòng sở	Đóng dấu; gửi báo cáo UBND tỉnh	4			
B4	UBND tỉnh	Văn thư	Chuyển hồ sơ cho phòng ban chuyên môn	2			
		Phòng ban chuyên môn	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xem xét	14			
		Lãnh đạo VP UBND tỉnh	Xem xét, duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	4			
		Lãnh đạo UBND tỉnh	UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững	10			
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển TTHCC	2			
B5	TTPVHCC	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				



2. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (mã số 3.000250)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 18 (ngày làm việc) x 08 giờ = 144 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
B1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	CC, VC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ rừng hoặc người đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác nộp nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về phòng ban chuyên môn cấp huyện. 	4			
B2	Phòng ban chuyên môn cấp huyện	Lãnh đạo phòng ban chuyên môn cấp huyện	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho CC, VC xử lý	4			
		CC, VC	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Hạt kiểm lâm cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	8			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện: - Lấy ý kiến phương án quản lý rừng bền vững: lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan về nội dung phương án quản lý rừng bền vững. - Trả lời ý kiến về phương án quản lý rừng bền vững: nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. - Tổng hợp đánh giá, hoàn thiện Báo cáo kết quả thẩm định	110			
		Lãnh đạo phòng ban chuyên môn cấp huyện	Xem xét, ký nháy trình Lãnh đạo UBND cấp huyện	8			
B3	UBND cấp huyện	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững	8			
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	2			
B4	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	CC, VC	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân				

